TUẦN 14

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Mở rộng vốn từ về thể thao**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố vốn từ về thể thao.

- Biết trao đổi cùng bạn về môn thể thao mà mình hoặc bạn thích.

**2. Năng lực chung.**

- Kể tên được một số môn thể thao. Nêu được một số từ ngữ về kết quả thi đấu thể thao.

- Biết bày tỏ sự yêu thích với các môn thể thao và việc tập luyện thể thao.

**3. Phẩm chất.**

- Giáo dục HS ý thức tập luyện TDTT để cho cơ thể khỏe mạnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| -Kể tên các môn thể thao mà em được học ở trường.  - GV nhận xét, tuyên dương. | -HS trả lời. |
| GV chốt: *Khi đến trường, các HS không chỉ học tập, mà còn vui chơi cùng nhau, luyện tập thể thao cùng nhau. Thông qua các trò chơi, các môn thể thao, các HS được rèn luyện sức khoẻ, đoàn kết, thân ái với nhau hơn, thêm yêu thích trường lớp và học tập tốt hơn.* |  |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Hãy kể tên các môn thể thao bắt đầu bằng những tiếng sau:  a) bóng c, đua  M: bóng đá M: đua xe đạp  b) chạy d, nhảy  M: chạy vượt rào M: nhảy cao | |
| - Yêu cầu HS đọc bài tập 1  - Cho HS cá nhân tìm các môn thể thao mà em biết trên bảng phụ.  -GV nhận xét đáp án. | -HS đọc đề  -Lần lượt HS lên bảng viết đáp án:  a,bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bầu dục, bóng hơi, bóng ném, bóng bàn, bóng nước,…  b,chạy vượt rào, chạy việt dã, chạy ngắn, chạy vũ trang , chạy tiếp sức,…  c, đua xe đạp, đua mô tô, đua ô tô, đua xe lăn, đua thuyền, đua ngựa, đua voi,…  d, nhảy cao, nhảy xa, nhảy cầu, nhảy sào, nhảy ngựa, nhảy dù,… |
| GV chốt: Có rất nhiều môn thể thao khác nhau. Các môn thể thao giúp chúng ta rèn luyện sức khỏe,phản xạ nhanh,… |  |
| **Bài 2:** Trong truyện vui sau có một số từ ngữ nói về kết quả thi đấu thể thao. Em hãy ghi lại các từ ngữ đó.  CAO CỜ    Một anh nọ thường khoe mình là cao cờ. Có người rủ anh ta đánh ba ván thử xem tài cao thấp thế nào. Đánh cờ xong, anh chàng ra về thì gặp một người bạn. Người bạn hỏi:  - Anh được hay thua?    Anh chàng đáp :  - Ván đầu, tôi không ăn. Ván thứ hai, đối thủ của tôi thắng. Ván cuối, tôi xin hòa nhưng ông ta không chịu. | |
| -Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  -Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm ra các từ nói về kết quả thể thao.  -GV nhận xét | -HS nêu  -HS thảo luận, đại diện các nhóm đưa ra đáp án:  - Được, thua, không ăn, thắng, hòa. |
| \*GV chốt đáp án đúng. |  |
| **Bài 3:** Điền từ ngữ thích hợp vào vị trí để trống trong các câu sau:  a.Xã em vừa tổ chức… chạy, nhảy và … bóng bàn, bóng chuyền.  b. Cuộc… xe diễn ra hấp dẫn, không khác gì các cuộc…ngựa, … thuyền.  c. Đây là trận đấu để… ngôi đầu bảng của hai đội.  d. Đội tuyển nước ta đã…quyền vào chơi trận chung kết.  ( thi, tranh, đua, đấu, giành ) | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập  -Thảo luận nhóm 3 điền từ thích hợp vào chỗ chấm. | -HS nêu  -Thảo luận nhóm, đại diện nhóm đưa ra kết quả:  a.Xã em vừa tổ chức *thi* chạy, nhảy và *đấu* bóng bàn, bóng chuyền.  b. Cuộc *đua* xe diễn ra hấp dẫn, không khác gì các cuộc *đua* ngựa, *đua* thuyền.  c. Đây là trận đấu để *tranh* ngôi đầu bảng của hai đội.  d. Đội tuyển nước ta đã *giành* quyền vào chơi trận chung kết. |
| \*GV chốt đáp án đúng. |  |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4**: Hãy đặt câu nói về câu thể thao mà em yêu thích: |  |
| -Gọi HS đọc yêu cầu bài.  -HS làm việc độc lập.  - GV nhận xét tuyên dương, gợi ý một số câu:  + Em đá bóng cùng các bạn vào cuối tuần.  + Em chơi bịt mắt bắt dê cùng các bạn trong lớp vào giờ ra chơi. | -HS nêu  -Một vài HS nêu câu của mình.  +Sáng nào em cũng dậy sớm chạy thể dục với mẹ.  +Chiều nào em cũng cùng các bạn ra sân vận động để đá bóng. |
| GV chốt: Củng cố cách đặt câu. |  |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | -HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Câu khiến. LT về từ có nghĩa trái ngược nhau.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

-Củng cố nhận biết được câu khiến.

- Tìm được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

**-**Nhận biết tác dụng của câu khiến, từ trái nghĩa.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| -Nêu tác dụng của câu khiến? | -HS nêu |
| GV chốt: Câu khiến được dùng để đề nghị hoặc yêu cầu. |  |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1**: Chuyển các câu kể sau thành câu khiến:   * Thanh đi lao động. * Ngân chăm chỉ. * Giang phấn đấu học giỏi | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu đề bài  -Thảo luận nhóm bàn.  -GV nhận xét chốt đáp án | -HS nêu  - Thảo luận,đại diện nhóm trình bày kết quả:  -Thanh đi lao động đi.  -Ngân phải chăm chỉ lên!  -Giang hãy phấn đấu học giỏi! |
| \*GV chốt: Cách chuyển câu kể thành câu khiến ta cần phải thêm các từ: đi, hãy, phải,… |  |
| **Bài 2:** Đặt câu cầu khiến phù hợp với các tình huống sau:  a. Vào giờ kiểm tra, chẳng may bút của em bị hỏng. Em biết bạn em có hai bút. Hãy nói với bạn một câu để mượn bút.  b. Em gọi điện thoại cho bạn, gặp một người ở đầu dây bên kia là bố của bạn. Hãy nói một câu với bác ấy để bác chuyển máy cho em nói chuyện với bạn của em.  c. Em đang tìm nhà bạn bỗng gặp một chú từ một nhà gần đấy bước ra. Hãy nói một câu nhờ chú ấy chỉ đường. | |
| -Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  -HS thảo luận nhóm 4  -GV nhận xét chốt đáp án. | -HS nêu  -HS thảo luận, đại diện nhóm trình bày:  a. Lan ơi, cậu làm ơn cho tớ mượn chiếc bút nhé!  b. Xin phép bác cho cháu nói chuyện với bạn Lan ạ!  c. Nhờ chú chỉ giúp cháu nhà bạn Lan với ạ! |
| \*GV chốt: Cách đặt câu khiến:ta thêm các từ cầu khiến, cuối câu có sử dụng dấu chấm than, dấu chấm. |  |
| **Bài 3:** Tìm những cặp từ trái nghĩa trong những thành ngữ, tục ngữ dưới đây:  a) Gạn đục khơi trong.  b) Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng  c) Anh em như thể chân tay Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần. | |
| -Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  -HS làm việc cá nhân  -GV nhận xét chốt đáp án. | - HS nêu  - HS làm việc cá nhân đưa ra kết quả.  a, Đục – trong  b, Đen – sáng  c, Rách – lành ; dở - hay. |
| GV chốt: Từ trái nghĩa có tác dụng làm nổi bật sự vật, sự việc, các hoạt động, trạng thái, màu sắc đối lập nhau. |  |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 4**: Điền vào mỗi ô trống một từ trái nghĩa với từ in đậm để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ.  a) **Hẹp** nhà  ………….   bụng  b) **Xấu** người  …………. nết  c) **Trên** kính …………. nhường | |
| - Gọi HS đọc yêu cầu  -HS làm việc độc lập  -GV nhận xét chốt đáp án.  -Tìm thêm các cặp từ trái nghĩa khác. | - HS nêu.  - HS làm việc và đưa ra đáp án:  a) **Hẹp** nhà *rộng* bụng  b) **Xấu** người *đẹp* nết  c) **Trên** kính *dưới* nhường  -HS tìm. |
| GV chốt: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau. |  |
| -Dặn dò HS ôn lại bài, chuẩn bị tiết học sau.  -GV nhận xét tiết học. | -HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

-------------------------------------------

Tiếng Việt (Tăng)

**LT: Làm đơn tham gia câu lạc bộ thể thao**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù:**

*\*Năng lực ngôn ngữ:*

- Điền được từ ngữ (thông tin) phù hợp, hoàn thành bản đăng kí tham gia câu lạc bộ thể thao.

**2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất:**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập; biết lựa chọn thông tin để viết đơn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng những điều đã học để viết đơn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về chủ đề câu lạc bộ thể thao với bạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy nêu môn thể thao mà mình yêu thích?  - Một lá đơn gồm mấy phần?  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. | - HS lần lượt nêu.  - HS nêu:Gồm 3 phần  Phần 1:  - Quốc hiệu, tiêu ngữ  - Nơi và người viết đơn  - Tên của đơn.  Phần 2: Nội dung đơn  Phần 3:Chữ kí và họ tên người viết đơn ở cuối đơn. |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1: Tìm hiểu mẫu viết đơn**  Đề bài: Em hãy viết một lá đơn xin tham gia câu lạc bộ thể thao theo mẫu đơn sau:    **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**  …….., ngày ……..tháng …….năm ……….  **ĐƠN ĐĂNG KÍ THAM GIA CÂU LẠC BỘ THỂ THAO**  Kính gửi: Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ………………………………………………..  Em tên là:…………………………………………………………………………..  Sinh ngày:…………………………………………Nam ( nữ)……………………..  Nơi ở:…………………………………………………………………………………  Học sinh lớp:…………… Trường………………………………………………….  Em đăng kí tham gia Câu lạc bộ…………………………………………………….  Em xin hứa thực hiện đúng quy định của Câu lạc bộ.  Em trân trọng cảm ơn.  Người làm đơn  ( Kí và ghi rõ họ tên)  ……………………………………….. | |
| - GV mời HS đọc yêu cầu | - 1-2 HS đọc yêu cầu bài. |
| - Đề bài yêu cầu gì?  - GV yêu cầu HS quan sát mẫu đơn để hoàn thành. | - HS nêu.  - HS quan sát mẫu đơn |
| - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 2 trao đổi với nhau: | - HS thảo luận nhóm 2. |
| - GV mời các nhóm khác nhận xét, trao đổi.  - GV nhận xét, bổ sung. | - Các nhóm khác nhận xét, trao đổi thêm. |

**3. HĐ 2: Viết đơn tham gia câu lạc bộ thể thao.**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV mời HS đọc đề bài  - GV mời HS làm vào phiếu  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài. | - HS đọc đề bài  - HS hoàn thành mẫu đơn vào phiếu học tập |
| **HĐ 3: Hoàn thành mẫu đơn,** | |
| - GV mời một số HS đọc đơn của mình đã hoàn chỉnh.  - GV mời HS nhận xét | - 1-3 HS đọc đơn của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét |
| - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV thu một số bài chấm và nhận xét cùng cả lớp. | - HS nộp vở để GV chấm bài. |

**4. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cùng HS trao đổi về tác dụng của các môn thể thao? | - HS nêu: tăng cường sức khỏe, bài tiết chất độc, phòng tránh ung thư, giúp sương vững chắc, giảm stress, tăng khả năng đàn hồi…….. |
| + \* GV chốt: Mỗi chúng ta cần luyện thể dục thể thao giúp cơ thể khỏe mạnh, để có sức khỏe tốt phòng tránh bệnh tật.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Nếu có)**

………………………………………………………………………………………